

第一部分 Phần 1

第 1-5 题：听对话，选择与对话内容一致的图片

Câu hỏi 1-5: Nghe các mẫu đối thoại và chọn hình phù hợp với nội dung của từng mẫu đối thoại.



例如：男：喂，请问张经理在吗？

女：他正在开会，您半个小时以后再打，好吗？

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.
- 5.

D

第二部分 Phần 2

第 6-10 题：听句子，判断对错

Câu hỏi 6-10: Cho biết các câu sau có phù hợp với tình huống bạn nghe được hay không.

例如：为了让自己更健康，他每天都花一个小时去锻炼身体。

* 他希望自己很健康。 (√)

今天我想早点儿回家。看了看手表，才 5 点。过了一会儿再看表，还是 5 点，我这才发现我的手表不走了。

* 那块儿手表不是他的。 (×)

6. * 他不认识那个女孩儿。 ()

7. * 这条裤子现在便宜得多。 ()

8. * 运动时可以听歌。 ()

9. * 他不知道鲜奶在哪儿。 ()

10. * 她菜吃得很少。 ()

第三部分 Phần 3

第 11-15 题：听短对话，选择正确答案

Câu hỏi 11-15: Nghe đoạn đối thoại ngắn và chọn câu trả lời đúng.

例如：男：小王，帮我开一下门，好吗？谢谢！

女：没问题。您去超市了？买了这么多东西。

问：男的想让小王做什么？

A 开门 √ B 拿东西 C 去超市买东西

11. A 脚不舒服 B 想看电视 C 想玩儿游戏

12. A 不太甜 B 要睡觉 C 太冷了

13. A 买裤子 B 洗衬衫 C 拿裤子

14. A 找他去上课 B 不小心打错了 C 上午有事

15. A 男的 B 女的 C 小丽的

第四部分 Phần 4

第 16-20 题：听长对话，选择正确答案

Câu hỏi 16-20: Nghe đoạn đối thoại dài và chọn câu trả lời đúng.

例如：女：晚饭做好了，准备吃饭了。

男：等一会儿，比赛还有三分钟就结束了。

女：快点儿吧，一起吃，菜冷了就不好吃了。

男：你先吃，我马上就看完了。

问：男的在做什么？

- | | | | |
|-----|---------|---------|---------|
| | A 洗澡 | B 吃饭 | C 看电视 ✓ |
| 16. | A 衬衫 | B 裤子 | C 饮料 |
| 17. | A 有问题问他 | B 找手机 | C 她很着急 |
| 18. | A 绿茶 | B 水果 | C 饮料 |
| 19. | A 不想去上学 | B 觉得累 | C 不舒服 |
| 20. | A 牛肉不新鲜 | B 没有牛肉了 | C 要吃米饭 |

QT Education

学而优